



吳鳳科技大學

112學年度 國際專修部(2024春季班)招生簡章 Giản chương tuyển sinh hệ dự bị đại học quốc tế (kỳ mùa xuân 2024)

聯絡方式 Phương thức liên hệ
吳鳳科技大學國際專修部 Đại học Khoa học Kỹ thuật Ngô Phụng Hệ 5 năm
嘉義縣民雄鄉建國路二段117號
No. 117, Sec 2, Chiankuo Rd., Minhsiung, Chiayi County 621303, Taiwan, R.O.C.
電話 / Điện thoại: +886-5-2267125 ext.21931~21933、21815
學校網址 Trang web trường : <https://ifp.wfu.edu.tw/>
Địa chỉ email : amy1018@wfu.edu.tw

目錄 Mục lục

申請入學重要期程表 Lịch trình nộp đơn xin nhập học-----	1
招生系所及招生名額 Chương trình và chỉ tiêu chiêu sinh-----	2
申請資格 Điều kiện tuyển sinh-----	3
申請注意事項 Hướng dẫn nộp đơn-----	5
一、申請方式/ cách thức đăng ký-----	5
二、申請應繳交資料 Thông tin cần nộp cho đơn đăng ký-----	6
三、申請費用：免繳 Phí đăng ký: miễn phí đăng ký-----	7
四、申請注意事項 Những chú ý khi nộp đơn-----	7
五、入學審查標準 -----	9
六、入學時間 Thời gian nhập học-----	9
七、修業年限以及修業內容 Thời hạn học và nội dung học-----	9
八、放榜-----	10
九、報到及註冊入學-----	10
學雜費參考標準 Tiêu chuẩn học phí và lệ phí-----	11
一、學雜費 Học phí và lệ phí-----	11
二、宿舍費(四人房) Phí ký túc xá (học kỳ, Phòng 4 người) -----	11
三、其他費用 Các phí khác-----	12
四、其他注意事項-----	12
專科以上學校學雜費退費基準表Biểu mẫu hoàn trả học phí và lệ phí cho các Trường Cao đẳng trở lên---	13
外國學生獎助學金-----	15
附件一 Phụ lục Một-----	16
附件二 Phụ lục II-----	19
附件三 Phụ lục III-----	21
附件四 Phụ lục IV-----	23
附件五 Phụ lục V-----	24
附件六 Phụ thất VI-----	25
附件七 Phụ thất VII-----	26
附件八 Phụ thất VIII -----	33
附件九 Phụ thất IX-----	34
附件十 Phụ thất X-----	38

吳鳳科技大學國際專修部學生重要權利義務通知書

WFU International Foundation Program – Notice of Rights and Obligations

Thông báo về các quyền và nghĩa vụ quan trọng của sinh viên hợp tác quốc tế trong hệ 5 năm của Đại học Khoa học và Kỹ thuật Ngô Phụng

1. 依教育部辦法規範申請來臺就讀，以一次為限。於完成申請就學學校學程後，除申請碩士班以上學程，得逕依各校規定辦理外，如繼續在臺就學者，其入學方式應與我國內一般學生相同。

Application for studying in Taiwan is based on terms and regulations from Ministry of Education, limited to one-time only. After submitting application (except for master degrees or above), please follow regulations from each university. Also admission process should be exactly the same as local Taiwanese students.

Xin sang học tại Đài Loan theo Quy phạm biện pháp Bộ Giáo Dục, tối đa 1 lần, sau khi hoàn thành chương trình xin học tại trường, ngoài trường hợp xin học chương trình thạc sỹ trở lên, được thực hiện theo quy định các trường ra, nếu tiếp tục xin học tại Đài Loan, phương thức nhập học cần giống như sinh viên thông thường của Đài Loan.

2. 學生成績分學業、操行兩種，以一百分為滿分、六十分為及格，成績不及格或不通過之科目，不給予學分。

Grades will be measured by academic and conduct, 100 as full score and 60 below as fail. Credits will not be given for subjects failed.

Thành tích của học sinh chia làm 2 loại là học lực, đạo đức, điểm tối đa là 100 điểm, 60 điểm là điểm đạt, trường hợp thành tích không đạt yêu cầu hoặc có môn thi trượt, không được tính tín chỉ.

3. 華語先修期最長以 1 年為限，期滿前須通過華語文能力測驗 (TOCFL) 之聽力與閱讀測驗基礎級 (A2)，測驗結果達 A2 標準者得進入學系修讀專業課程。若未在第一學年內完成者，以退學論。

Students are required to achieve Level 2 (A2) listening and reading of the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) during the first academic year. Students achieve A2 before the second semester, then the students can enter the department to study the professional courses. Students will be drop out if not able to complete the A2 test of TOCFL within the first academic year.

Thời hạn tối đa học tiếng Trung là 1 năm. Trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên phải vượt qua Trình độ Cơ bản (A2) của Bài kiểm tra Nghe và Đọc của Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung (TOCFL). Đạt chuẩn A2 có thể vào khoa để tham gia các khóa học chuyên ngành. Những người không hoàn thành trong năm học đầu tiên sẽ bị thôi học.

4. 大學部修業年限為6年，若未在修業年限內完成者，以退學論。

Maximum study period is 6 years for undergraduate. Students will be drop out if not able to complete the degree within 6 years.

Số năm tối đa học bậc đại học là 6 năm, trường hợp không hoàn thành trong thời hạn năm học, coi như thôi học.

5. 學生需於學校規定時間內繳交學雜費與其他費用，若未依規定時間繳交者，將依逾期未註冊理由，處以退學。

Tuition and other fees must be paid during the semester. Students will be drop out if not able to pay in regulation time.

Sinh viên cần nộp phụ phí học phí và chi phí khác trong thời gian nhà trường quy định, trường hợp không đóng trong thời gian quy định, sẽ buộc thôi học với lý do quá hạn không đăng ký nhập học.

6. 因學生使用學生簽證入學，若有休學、退學或畢業發生，必需於10天內離境。如為畢業學生，可申請延期半年居留証效期在台灣找工作。被退學之學生，將失去申請台灣各大學學士以下級別之使用外國學生身分入學之資格。若休學後復學，需重新辦理居留簽證與換發居留證。

Due to VISA requirements, students must leave Taiwan within 10 days in the cases of approved leave, drop out or graduation. For students after graduation, one is eligible to apply 6-months residence permit extension and look for jobs. For dismissal situation, students will not be able to apply for any undergraduate (or below) degree in Taiwan as an international student. For reinstatements after approved leave, students need to re-apply and renew residence permit.

Do sinh viên sử dụng visa du học để nhập học, nếu xảy ra nghỉ học, thôi học hoặc tốt nghiệp, cần xuất cảnh trong vòng 10 ngày. Nếu là sinh viên tốt nghiệp, có thể xin gia hạn thẻ cư trú nửa năm để tìm việc tại Đài Loan. Sinh viên bị buộc thôi học, sẽ mất đi tư cách xin nhập học cấp cử nhân đại học Đài loan trở xuống với tư cách sinh viên nước ngoài. Nếu đi học lại sau khi nghỉ học, cần làm lại visa cư trú và cấp đổi thẻ cư trú.

7. 新生第一年規定必須住校，且由學校统一安排宿舍別，學生無法自己挑選想住的宿舍，以確保學生安全及學習輔導與管理，若不遵從學校規定，將處以退學。

For the first year, students must live in dormitory arranged by university, to ensure safety and provide learning support. Students will be dismissed if failed to follow this regulation.

Sinh viên mới học năm thứ 1 bắt buộc sống trong ký túc nhà trường, hơn nữa do nhà trường thống nhất sắp xếp ký túc xá, để đảm bảo an toàn sinh viên và quản lý học tập, nếu không tuân thủ quy định nhà trường, sẽ xử lý buộc thôi học.

8. 請假：需提前完成學校(在校上課期間)或實習廠商(實習期間)之程序，如無特殊事由且未完成者以曠課論。

Leaves: students must complete all study or internship courses in advance, otherwise will be considered as absence.

Xin nghỉ: Cần hoàn thành trước các trình tự của nhà trường (thời gian học tại trường) hoặc công ty thực tập (thời gian thực tập), trường hợp không có lý do đặc biệt và chưa hoàn thành thì coi như nghỉ không phép.

9. 學生於考試時如有作弊行為，一經查出，除該次成績以零分計算外，並視情節輕重分別予以記過、勒令退學或開除學籍之處分。

If cheating is found during a test, the grade will be counted as 0. Also, students may get demerited or even drop out and expelled, depending on the situation.

Khi sinh viên thi nếu có hành vi quay cóp, bị phát hiện, ngoài tính điểm 0 cho thành tích lần đó, còn tùy theo tình tiết nặng hay nhẹ lần lượt xử phạt như ghi lỗi, ra lệnh thôi học hoặc xóa bỏ tư cách sinh viên.

10. 學生可向國際專修部申請校外工作證，無校外工作證或違反政府規定工讀時數，在學期間每週工讀時數最多為20小時，大三或是大四的其中一年工讀加實習時數每週至多40小時，寒暑假不受時數限制，經學校或任何單位查獲者，將有罰款並有立即遣返回國之可能性。學生若有工讀事宜發生，請主動聯繫告知系所與國際專修部，以利本校協助輔導與服務。

Students can apply work permit outside campus via International Foundation Program Without work permit or against working hours regulation (maximum 20 hours per week during semester, maximum 40 hours per week during winter/summer vacation), students may be fined or even be expelled/deported back to one's country of origin. Please contact International Foundation Program in each department to get further support, if working at outside campus.

Sinh viên có thể xin giấy phép đi làm bên ngoài nhà trường tại Văn phòng hợp tác quốc tế, không có giấy phép đi làm mà làm việc bên ngoài nhà trường hoặc số giờ làm việc vi phạm quy định chính phủ (trong thời gian học số giờ làm việc mỗi tuần tối đa là 20 tiếng, có thể chọn 1 trong 2 năm thuộc năm 3 hoặc năm 4 để có thể thực tập mỗi tuần 40 tiếng, không giới hạn số giờ làm việc trong kỳ nghỉ đông và nghỉ hè) nếu bị nhà trường hoặc bất cứ đơn vị nào phát hiện, sẽ bị phạt tiền và có khả năng bị đưa về nước ngay lập tức. Sinh viên nếu cần vừa làm vừa học, chủ động liên hệ thông báo với Văn phòng khoa, Văn phòng sinh viên quốc tế, để tiện cho nhà trường có thể tư vấn và phục vụ.

11. 轉系規定：學生可在修習系所修課一年後（不包含華語先修課程），轉系至本校機械系。

According to the regulations of the Ministry of Education for department's transfer: Students can transfer their department to Department of Mechanical Engineering of WuFeng University after the first academic year (The periods do not include Chinese language preparatory period).

Quy định chuyển khoa: Sinh viên có thể chuyển sang Khoa Cơ khí của Trường sau năm học đầu tiên(không bao gồm khóa học tiếng Trung).

Chuyển khoa/chuyển trường: không được tùy tiện chuyển đổi giữa các lớp trong chương trình.

12. 學生於學習期間將根據教育部規範取得華語文能力證書A2以上。(一年級結束前需考取)

Student must obtain TOCFL level A2 or above according to the R.O.C (Taiwan) Ministry of Education policy. (Certificate should be obtained before the beginning of spring semester of the first academic year.

Trong thời gian học tập, học sinh phải đạt Chứng chỉ năng lực tiếng Trung A2 trở lên theo quy định của Bộ Giáo dục. (phải đạt được chứng chỉ sau khi kết thúc năm nhất)

13. 部分實習課程為必修課程為畢業條件之一，進行該課程同時依然具本校學生身分，故須繳交足額學雜費，學生不參加該課程者，將不給予學分；若無特殊事由，學校必須協助學生完成該課程，並給予學分。

Some of the internship courses are mandatory for graduation. During internship, one shall maintain his/her student status, therefore tuition must be paid in full. Credits will not be given if students do not attend the course. In general, the university must support students to finish the course and give credits.

Một phần khóa thực tập là môn học bắt buộc, là một trong những điều kiện tốt nghiệp, khi thực hiện khóa thực tập đó đồng thời vẫn mang tư cách là sinh viên của nhà trường, do đó cần nộp đủ học phí và phụ phí, sinh viên không tham gia khóa học đó, sẽ không được cấp học phần; nếu không có lý do đặc biệt, nhà trường cần hỗ trợ sinh viên hoàn thành khóa học đó, và tính tín chỉ.

14. 實習課程將會由學生、學校與廠商訂定三方合約書，其中將明訂權利與義務。

A contract will be signed by student, university and employer for internship courses, all rights and obligations will be defined inside the contract.

Khóa thực tập sẽ do sinh viên, nhà trường và đơn vị thực tập ký kết hợp đồng 3 bên, trong đó sẽ ghi rõ quyền lợi và nghĩa vụ.

15. 國際專修部為三方（學生、學校、廠商）合作之專案，為達到課程學分要求，學生需配合學校與廠商所安排的實習課程內容與時間規畫。

International Foundation Program is designed for three parties (students, universities and employers). To meet the requirements to obtain full credit, students must comply with content of the internship courses and time management schedule promulgated by the University and the Employer.

Hệ 5 năm là dự án hợp tác 3 bên (sinh viên, nhà trường, công ty), để đạt được tín chỉ yêu cầu, sinh viên cần phối hợp nội dung và thời gian khóa thực tập mà nhà trường và công ty sắp xếp.

16. 學校校區(含宿舍內外)一律禁菸禁酒。違規者並依政府規定，得罰鍰新台幣2,000元-50,000元。

Smoking and any alcoholic beverages are strictly prohibited inside campus. One will be fined NTD\$2,000 – 50,000 if caught.

Trong khuôn viên trường cấm hút thuốc và cấm uống rượu (bao gồm cả trong và ngoài kí túc xá). Trường hợp vi phạm quy định bị phạt tiền là 2000 Đài tệ-50.000 Đài tệ theo quy định chính phủ.

17. 宿舍禁止吸煙、飲酒、炊食、持有刀械、卡式瓦斯爐、高耗電電器用品、喧嘩、夜不歸宿...等事宜。門禁時間為晚上23時到隔天清晨6時，並於晚上23時由管理員點名，以維護學生安全。違反者將按照學校的規定處罰。

Smoking, consumption of alcohol, cooking, weapons, cassette gas stove, high-power consumption device, making noise, staying outside overnight, etc...are prohibited in dormitory. For security reason, the curfew is set at 23:00 every night, in which one will not be allowed to leave dormitory from 23:00 to 6:00 the next day. The dorm supervisor will take a roll call at 23:00 every night. There will be punished if one is found to have violated this regulation.

Trong ký túc xá nghiêm cấm hút thuốc, uống rượu, tàng trữ dao, bếp ga, thiết bị điện tử công suất cao, ồn ào, qua đêm bên ngoài...Thời gian đóng cửa ký túc xá là 23h đêm đến 6h sáng hôm sau, và vào 23h đêm sẽ có nhân viên quản lý ký túc xá đi kiểm tra, để đảm bảo an toàn cho sinh viên. Trường hợp vi phạm sẽ bị phạt theo quy định của nhà trường

18. 居留證每年需延長一次費用為1,000元，有效期限需自行注意，國際專修部將協辦新辦或延期。

Resident Certificate must be extended every year and costs NTD\$1,000 for each extension. Please be aware of the date of expiry. International Foundation Program will assist with certificate application or extension.

Thẻ cư trú mỗi năm cần gia hạn 1 lần với chi phí là 1000 Đài tệ, cần tư chú ý thời hạn có hiệu lực, Trung tâm phụ đạo và phục vụ sinh viên quốc tế sẽ hỗ trợ làm mới hoặc gia hạn thẻ cư trú.

19. 本校醫護室開放時間，週一至週五08:00-22:00，週六13:30~20:30，週日8:30~17:00。

Opening hours for clinic at university, Monday to Friday: 08:00-22:00, Saturday: 13:30-20:30, Sunday: 08:30-17:00.

Thời gian làm việc của Phòng y tế nhà trường, từ 8:00- 22:00 thứ hai đến thứ sáu, 13:30 - 20:30 thứ bảy, 8:30 - 17:00 chủ nhật.

20. 有任何的申訴、問題或需要協助，可透過校內業管負責單位協助或國際專修部(05-226-7125#21932)轉介。或透過教育部境外學生諮詢平台(www.nisa.moe.gov.tw,0800-789-007)反應。

If there are any claims, questions or support needed, please contact International Foundation Program (05-226-7125#21933) via each administrative unit, or the website from Ministry of Education (www.nisa.moe.gov.tw, 0800-789-007)

Nếu có bất cứ khiếu nại, vấn đề hoặc nhu cầu hỗ trợ gì, có thể thông qua đơn vị chuyên trách quản lý trong trường hỗ trợ hoặc Trung tâm sự vụ Quốc tế trường (05-226-7125#21932) chuyển tiếp. Hoặc phản ánh qua diễn đàn tư vấn sinh viên nước ngoài Bộ Giáo Dục (www.nisa.moe.gov.tw, 0800-789-007)

21. 國際專修部不定期會舉辦活動，各項最新相關資訊會在外國學生LINE群組公告。

All activities held by the International Foundation Program and the latest information will be posted on the Line group.

Văn phòng hợp tác quốc tế thường xuyên tổ chức du lịch hoặc hoạt động, các thông tin liên quan mới nhất sẽ thông báo trong cộng đồng LINE group sinh viên nước ngoài.

22. 如擬辦理休退學，需繳回本校提供之入學獎學金全額。

If you are considering deferring or withdrawing from your studies, you need to reimburse the full enrollment scholarship provided by the university.

Nếu sinh viên có ý định nộp đơn xin thôi học, bạn phải trả lại toàn bộ số tiền học bổng nhập học do trường cung cấp.

23. 以上為重點式條列，若有遺漏，將依相關法規之權利義務辦理。另若翻譯有所不同，將以中文版為主。

All aforementioned regulations are simplified versions. If anything is not mentioned, please refer to relevant law of rights and obligations. Additionally, in case if the English translation is different, the Chinese version shall serve as the basis.

Trên đây là điều lệ trọng điểm, nếu còn thiếu sót, sẽ thực hiện theo quyền lợi và nghĩa vụ của quy định pháp luật liên quan, nếu có sự khác biệt về dịch thuật, sẽ lấy bản tiếng Trung làm chuẩn.

是，我已清楚了解以上規定

Yes, I have read and understood all the regulations above. / Vâng, tôi đã hiểu rõ các quy định trên

● 申請系所 Depts. to Apply / Xin nộp vào khoa :

電機工程系 Department of Electrical Engineering / cơ điện tử

機械工程系 Department of Mechanical Engineering / Khoa Cơ khí

車輛科技與經營管理系 Department of Vehicle Technology & Entrepreneurship /
Khoa công nghệ xe và quản lý

觀光休閒管理系 Department of Tourism and Leisure Management /
Khoa Quản Lý Du Lịch và Giải Trí

餐旅管理系 Department of Hospitality Management / Khoa Quản lý Khách sạn

簽名(英文) English Name Signature / Họ tên tiếng Anh Ký tên : _____

生日 Date of Birth / Ngày sinh : _____ 日期 Date / Ngày tháng : ____/____/____

自願申請入學聲明書 Đơn tự nguyện đăng ký nhập học

現代奴隸的定義是透過強迫、威脅或是欺騙等手段剝削受害者及其人身自由。我了解我是出於自願並決定就讀吳鳳科技大學，而非遭到剝削，並且沒有遭受到以下任何一項對待。

Chế độ nô lệ hiện đại được định nghĩa là sự bóc lột nạn nhân và quyền tự do của họ bằng các biện pháp ép buộc, đe dọa hoặc lừa đảo. Tôi có ý định và tình nguyện theo học trường Đại học KHKT Ngô Phụng, không phải do bị lợi dụng, và không gặp phải tình huống nào dưới đây.

- 人身拘禁 Giam cầm
- 沒收身分與旅遊文件 Tịch thu giấy tờ chứng minh và giấy thông hành
- 欺騙性勞力剝削 Tuyển dụng dịch vụ hoặc lao động lừa đảo
- 人口販賣 Buôn bán người
- 奴隸 Nô lệ
- 奴役 Nô dịch
- 強迫勞動 Cường ép lao động
- 強迫婚姻 Cường ép hôn nhân
- 債務奴役 Ràng buộc nợ

立聲明書人 Người viết đơn : _____

(請務必親自簽名 Vui lòng đích thân đến ký tên)

僑居地身分證號或護照號碼 Thẻ cư trú hoặc số hộ chiếu :

國別或地區別 Quốc gia hoặc khu vực :

住址 Địa chỉ :

聯絡電話 Điện thoại liên lạc :

日期 Ngày tháng : 年 Năm 月 Tháng 日 Ngày